

Hãy hình dung biển Bering. Vùng nước mênh mông nằm giữa Siberia và Alaska, Thái Bình Dương và Bắc Cực. Hãy tưởng tượng biển Bering vào năm 1741.

# I

Tất cả mọi sinh vật trong thiên nhiên, được nhào nặn tỉ mỉ và công phu đến thế, được nhân giống tuyệt vời đến thế, được hỗ trợ thuận lợi đến thế trên khắp ba vương quốc, dường như đều được Đấng Tạo Hóa dành cho con người. Tất cả đều có thể được con người sử dụng. Nhờ lí trí, con người thuần hóa cả những loài động vật hung dữ nhất, săn đuổi và bắt được những loài nhanh nhẹn nhất, thậm chí có thể tóm được cả loài yên ổn trú trong những nơi ẩn náu của đại dương.

LINNAEUS, OECONOMIA NATURAE, 1749



**53°3'55" BẮC, 158°37'32" ĐÔNG**  
**MŨI KAMCHATKA, MIỀN VIỄN XỨ CỦA NGÀ**  
**1741**

Mọi cuộc thám hiểm đều khởi đầu từ một cốc trà. Thuyền trưởng Vitus Bering rót đầy cốc và Georg Wilhelm Steller – tiến sĩ thần học, nhà tự nhiên học, một người đàn ông lạ lùng – nhấm nháp vị trà. Thuyền trưởng rót đầy cốc vì ông đang làm nhiệm vụ. Bering được vị hoàng đế anh minh giao cho trọng trách tìm một tuyến đường biển từ châu Á đến châu Mỹ, thế là ông lên đường. Ông đã khởi hành cách đây hai mươi năm, bỏ lại miền duyên hải và giong buồm về phía bắc tới vùng biển chưa được khám phá, nhưng sương mù không dứt, thời tiết xấu, nguồn nước cạn kiệt buộc họ phải quay trở về. Bering trở lại với một bản đồ chính xác hơn về bán đảo Kamchatka, nhưng góc trên của bản đồ thế giới vẫn để trống. Peter Đại Đế đã rời bỏ thế gian này mà không được biết rìa của Tân Thế Giới nằm ở đâu.

Hoàng đế đã chết, nhưng ý tưởng thì không. Phải thử lại và cố gắng làm tốt hơn. Nữ hoàng Anna hạ lệnh, và giờ đây hai con tàu *Svjatoi Piotr* và *Svjatoi Pavel* (Thánh Peter và Thánh Paul) đang thả neo trên vịnh Avacha. Tàu đủ chỗ cho thủy thủ đoàn khoảng một trăm người, cần hai mươi người để điều khiển buồm. Xung quanh đó người ta dựng tạm bến cảng, lều trại, nhà xưởng, nhà ở tạm thời, tất cả đều nhếch nhác, nhỏ bé và lạnh lẽo, ngoại trừ hai con tàu.

Ba nhà khoa học, những học giả đáng kính của Viện Hàn lâm Khoa học mới được thành lập ở St. Petersburg, đã được chọn để tham gia chuyến thám hiểm nghiên cứu vĩ đại về phương Bắc. Họ được chu cấp rất hào phóng. Tháp tùng họ gồm sáu trợ lý, sáu người khảo sát địa hình, hai người vẽ bản đồ, mười ba binh sĩ, một thông dịch viên, một bác sĩ, một kỹ thuật viên, một người đánh trống, những người dẫn đường, những người chèo thuyền và những người khuân vác. Họ mang theo một thư viện khoa học với hàng trăm cuốn sách, máy móc dụng cụ đầy chín xe trượt, bốn kính viễn vọng, năm thước trắc tinh, hai mươi nhiệt kế, hai mươi bảy phong vũ biểu, hai trăm mười sáu con ngựa và những thùng rượu vang Rhine tuyệt hảo. Họ rời thủ đô trong một buổi lễ tiễn đưa long trọng, và phía trước họ là tám nghìn ki-lô-mét xuyên qua Siberia, tiếp đến là vùng biển xa lạ.

Khi các giáo sư đến Yeniseysk<sup>(1)</sup>, họ đã đi được năm năm. Năm năm dài gian khổ mà họ vẫn chưa đi được nửa chặng đường. Ở Yakutsk, lều của họ bị cháy, các mẫu vật và ghi chép cũng bị lửa thiêu rụi. Thành quả mấy năm trời giờ thành tro bụi trên bầu trời và mọi người bắt đầu chán ngán. Nhà thiên văn học tranh cãi với nhà dân tộc học, và càng đi xa, mọi thứ càng trở nên tồi tệ hơn. Cuối cùng, quyết định được đưa ra. Các giáo sư viết thư cho Viện Hàn lâm Hoàng gia xin được từ bỏ nhiệm vụ, không cần chờ được đồng ý mà quay ngựa về hướng tây.

(1) Tiếng Nga: Енисейск, là một thị trấn ở vùng Krasnoyarsk Krai (Nga), nằm bên sông Yenisei, dân số khoảng 19.000 người (2010). Nguyên bản tiếng Phần Lan: Yeniseisk. (Các chú thích trong sách là của dịch giả. Chú thích của biên tập viên sẽ ghi rõ.)

Các nhà tự nhiên học của thuyền trưởng quay về, nhưng dọc đường, họ gặp một nhà nghiên cứu dường như không bị sự khắc nghiệt của Siberia làm ảnh hưởng. Người đàn ông đặc biệt không quan tâm đến phần bôi mặt hay tóc giả, uống bia và rượu chua bằng cùng một chiếc cốc, nhưng lại thạo việc, nói rành rọt về các loại cỏ và loài chim chịu lạnh của phương Đông. Giáo sư Gmelin tiến cử người đó thay họ, và Bering làm việc cần làm. Ông viết một bức thư thân mật, đầy thẩm quyền và mời Georg Wilhelm Steller đến gặp ông tại cảng vịnh Avacha.

Nhà khoa học tự nhiên, tiến sĩ thần học và người đàn ông khác người, Georg Wilhelm Steller ngồi thẳng lưng trên ghế. Anh vận bộ đồ đẹp nhất, nhưng chi tiết đó cũng không nói lên nhiều điều – bốn năm ở Siberia đã để lại dấu ấn lên phong cách ăn mặc của anh. Anh đến đây trên chiếc xe trượt tuyết do chó kéo, và cố gắng che giấu cảm giác dễ chịu khi được ngồi trong căn nhà khô ráo với cốc trà đặc, nóng hổi. Steller được Viện Hàn lâm Khoa học giao cho việc lập bản đồ các loài động thực vật và đá quý của bán đảo Kamchatka, nhưng một nỗi khát khao, háo hức đã bùng cháy trong anh ở phương Đông. Anh đã nhìn thấy những thảo nguyên và những ngọn núi, đã chèo thuyền qua hồ Baikal. Giờ đây, anh muốn đi xa hơn nữa và đã xin phép được dong thuyền đến Nhật Bản. Chẳng phải chuyến thám hiểm nào cũng chỉ là một chuyến thám hiểm thôi sao, thuyền trưởng cười, rót đầy cốc cho nhà khoa học. Steller nâng cốc lên và uống.

Steller thu gom hành lý để lên đường, nhưng gặp phải những sự chậm trễ không ngờ. Việc tiếp nhận nhu yếu phẩm mất nhiều thời gian hơn dự kiến; bánh mì khô làm lương ăn trên tàu bị mất trên đường đến bến cảng, và lô hàng thay thế cũng không bao giờ đến. Những người Koryak<sup>(1)</sup> nhận việc khuân vác nổi loạn – việc vận chuyển bất cứ thứ gì đến nơi xa nhất của Siberia đều cần có thời gian, và viên chỉ huy Koleslov, người phụ trách việc vận chuyển không khiến cho công việc của họ dễ dàng hơn. Anh là kiểu người luôn để mọi việc sang ngày mai, vì hôm nay vẫn còn có thể nâng li. Còn Steller chỉ biết chờ, than phiền và chờ, sau đó phác thảo một nghiên cứu về các loài cá địa phương.

Steller chờ đến năm tháng. Hai mươi tuần chậm chạp và khó chịu mà lẽ ra anh có thể dành để khám phá những loài chưa từng thấy của xứ Nippon (Nhật Bản), nhưng rồi cái ngày được mong đợi ấy cũng đến. Vẫn còn thiếu một số trang thiết bị, nhưng họ không thể chờ hơn được nữa, phải đi thôi để có thể về trước khi bão mùa thu kéo đến. Ngày 29 tháng Năm, đoàn thuyền neo đậu ở vịnh để chờ thời tiết thuận lợi. Vào ngày bốn tháng sáu, một cơn gió lạnh nổi lên, *Svjatoi Pjotr* và *Pavel* khởi hành tới Alaska.

Các chỉ huy bật nút chai sâm panh. Má của các viên sĩ quan ửng hồng vì phấn khích, điều mà Bering nhớ lại từ khuôn mặt của chính mình khi bắt đầu cuộc hành trình hai thập kỷ trước. Trong trí tưởng tượng của những chàng trai trẻ ấy là

---

(1) Koryak (tiếng Nga: коряки) tên một bộ tộc người bản địa ở vùng Viễn Đông Nga, phía bắc bán đảo Kamchatka và ven bờ biển Bering.

sự trù phú của những vùng đất vô danh; những hòn đảo, vịnh và đồi núi sẽ mang tên họ; sự ngưỡng mộ và kính trọng trong mắt các công nương quý tộc, có lẽ của cả Nữ hoàng khi họ kể lại những cuộc phiêu lưu của mình. Nhưng Bering chỉ nhớ tới những ngày đơn điệu buồn tẻ phía trước, khi kho lương thực ngày càng cạn kiệt, và những đêm bão tố mà họ phải cầu nguyện để được cứu vớt trước thảm họa gần như chắc chắn sẽ xảy ra. Hồi đó, ông đang ở độ tuổi sung sức nhất, còn giờ đây, ông cảm nhận được gánh nặng ở độ tuổi lục tuần của mình. Đám trai trẻ đang vui vẻ, nhưng Bering nhận ra nỗi lo lắng trong mắt người thuyền phó Khitrov. Ông ấy cũng đã tham gia chuyến đi hai mươi năm trước, và biết họ đang dần thân vào điều gì.

Thuyền trưởng rời cuộc vui. Ông không muốn chạm cốc với mọi người, mà cần gió và biển nên đi lên boong tàu. Bến cảng gần như đã khuất lấp trên bờ, phía sau nó là đỉnh Korjaskaja Sopka thấp thoáng trên vịnh với tất cả sự hùng vĩ, uy nghi. Khung cảnh thật tuyệt vời, hoàng hôn lộng lẫy, nhưng Bering quay lưng về phía nó và quyết định dành phần đời còn lại của mình trong những căn phòng ấm áp, đầy đủ tiện nghi.

Steller là một nhà tự nhiên học uyên bác, nhưng không thuộc giới thượng lưu. Con trai của người quản ca nhà thờ ở Nürnberg không được mời uống sâm panh, nên anh chuyên tâm vào công việc của mình, chú ý đến những loài chim biển và sự sống của các loài thực vật được sóng đưa đến. Anh quan sát các dòng hải lưu và tính toán, và khi thấy thuyền trưởng,

anh vội vã tiến lại gần, khuyên ông tốt nhất là lái thuyền chệch đi vài độ về phía tây bắc. Nhưng thuyền trưởng chỉ nhìn về vùng đất đang lùi dần, và dường như không nghe thấy lời anh nói.

Họ rời bờ, và sương mù vây bọc lấy tàu như một tấm chăn không thể xuyên thủng. Chỉ có tiếng kêu của một con chim biển bay ngang qua xuyên thủng được lớp sương ấy, và cơn mưa phùn làm ướt boong, ướt vải; quần áo dính vào da, nặng nề và ướt át, không còn giữ được nhiệt nữa. Bầy ngày u ám, ẩm ướt, sương mù dày đặc, nhưng cuối cùng gió nổi lên từ phía đông nam và sương mù tan đi. Mọi người lên boong tàu để ngắm Mặt Trời, nhưng rồi lòng họ thất vọng. Một vùng biển mênh mông trải ra trước mắt. Hai tàu của đoàn thám hiểm đã lạc nhau giữa sương mù. Họ tìm kiếm *Svjatoi Pavel* trong nhiều ngày nhưng vô vọng. Một tàu thánh đã biến mất, mang theo một nửa trang thiết bị, đồ dùng của Đoàn thám hiểm phương Bắc vĩ đại.

Cảnh sắc thật ngoạn mục. Những loài thực vật chỉ phát triển mạnh ở vùng nước nông giờ đây dập dềnh trên sóng. Steller nhìn thấy những sinh vật biển và các loài chim không bao giờ dám mạo hiểm xa bờ. Anh mô tả những dấu hiệu mà anh nhìn thấy cho các chỉ huy, khuyên họ thay đổi hướng đi, nhưng họ chỉ nhướn mày. Người lần đầu đi biển làm sao có thể am tường biển hơn họ? Còn thuyền trưởng thì không tham gia tranh luận. Ông không muốn làm mất lòng các sĩ quan của mình – những người có bạn bè ở St. Petersburg.

Steller nhìn thấy một viên sĩ quan vẽ lại lộ trình của họ lên bản đồ thế giới, và anh ta đã đặt nhằm con tàu ở Đại Tây Dương thay vì Thái Bình Dương, nhưng không ai lên tiếng chỉnh sửa sai sót ấy.

Rồi một con vật nổi lên mặt nước, và anh nhớ lại vì sao mình đồng ý tham gia cuộc thám hiểm gian khổ này. Con vật này dài chừng gần nửa mét. Da nó được che phủ bằng một lớp lông màu đỏ nhạt, và đầu của nó giống đầu chó. Đôi tai nó vểnh lên đầy cảnh giác, với đôi mắt lồi và bộ ria dài rủ xuống như những nhà nho phương Đông, nhưng hành vi của nó giống như một đứa bé man dại. Nó chồm lên, lặn xuống rồi ngoi lên mặt nước với một mớ rong biển trong miệng, phun cỏ lên không trung rồi dùng răng bắt lấy. Cả đoàn thám hiểm tập trung lại để xem và vỗ tay cổ vũ con vật, nhưng Steller gọi người Cô-dắc Thoma Lepkin, tay thiện xạ giỏi nhất của đoàn đến và bảo anh ta bắn. Lepkin bóp cò, nhưng viên đạn không trúng tim, chỉ xuyên qua lớp da, và con vật lặn xuống, không ngoi lên nữa.

Steller am hiểu các công trình nghiên cứu và sách du kí, nắm rõ mọi danh mục các loài động vật được lưu trữ trong thư viện của các trường đại học, nhưng chưa hề biết đến loài vật này. Nhiều tuần loay hoay với mòng biển và chim Uria<sup>(1)</sup>, anh đã bỏ qua mất loài vật thú vị đầu tiên. Không thể thế được, anh để trí nhớ của mình lẫn theo những ngăn kệ kỉ lục nhất của căn phòng kỉ diệu, cho đến tận tối muộn, lúc nằm

(1) Uria (tiếng Phần Lan: kiisla) là một loài chim trong họ *Alciade*, thuộc bộ Choi chơi, lông hai màu đen và trắng, sống ở vùng biển Bắc Cực, nơi có nhiệt độ dưới 8°C.

trên giường, anh mới phát hiện ra nó là gì. Anh phải tìm về lịch sử cổ xưa, và nó đây rồi: *Historiae Animalium*, bộ sách quái thú đồ sộ của Gessner, và con vượn biển Đan Mạch – *Simia marina danica*. Thân có đuôi ngoằn ngoèo, bốn vây có những dải tua lất phất, cái đầu sần sùi, và bản tính tinh nghịch – mọi chi tiết đều khớp hoàn toàn, và anh có thể yên tâm nghỉ ngơi. Kiến thức của anh không phản bội anh, anh vẫn có thể phân loại thế giới.

TRONG BESTIARY, sách về các loài thú của Gessner, thực tế và tưởng tượng gặp nhau: hổ, chó và tê giác lao vun vút giữa kì lân và Satyr<sup>(1)</sup>. Vượn biển thuộc nhóm sau – *animal paradoxum*, những sinh vật nghịch lí mà khoa học vẫn chưa biết đến. Một con vượn biển không gây sốt truyền thông như Người Tuyết hay thủy quái hồ Loch Ness, nhưng quan sát của Steller cũng được chú ý, và thế hệ sau vẫn suy ngẫm về những ghi chép của anh. Có người cho rằng con vật mà Steller nhìn thấy là một con hải cẩu có lông với hình thù và vây khác lạ, nhưng điều đó thật khó tin. Steller rất hiểu hải cẩu, và đã quan sát loài vật này lâu đến mức sẽ thật kì lạ nếu anh không nhận ra con vật mà mình đã quá quen thuộc. Cũng có giả thuyết rằng vượn biển hoàn toàn không phải là một con vật mà là một “bức tranh biếm họa” về Vitus Bering – một sự châm biếm do nhà nghiên cứu thất vọng với thuyền trưởng của mình. Nhưng nếu đó là một sự chế nhạo, tại sao Steller không nói rõ hơn về trò đùa của mình? Vì sao phải miêu tả đến cả vây và đuôi của con vật, nếu nó chỉ là trò giễu cợt của con người? Phải chăng Steller đã nhìn thấy một con vật mà chúng ta biết dưới một cái tên khác? Hay anh đã bắt gặp một giống loài đã tuyệt chủng trước khi cái xác ngấm

---

(1) Satyr là những sinh vật huyền bí nửa người nửa ngựa trong thần thoại Hy Lạp (*Wikipedia*).

trong cõn của nó có thể được đưa đến các viện nghiên cứu trên thế giới để nhận dạng? Hay nhà tự nhiên học buồn chán đã tưởng tượng ra con thú này trên những trang nhật kí của mình để làm trò tiêu khiển, để trêu chọc những người đến sau mình? Chúng ta không biết.

MỖI BUỔI SÁNG, người hoa tiêu thả sợi dây dọi xuống nước, và hôm nào dây cũng căng – quả dọi không chạm xuống đáy. Phía dưới họ là 180 feet (khoảng 55 m) nước đen thẳm, không có cồn đất xanh tươi nào nhô lên từ mặt biển phía trước vẫy gọi họ. Họ đã chuẩn bị cho một cuộc thám hiểm dài ngày, nhưng bờ biển tây bắc của châu Mỹ vẫn xa vời hơn bất cứ ai có thể dự đoán. Họ đã lênh đèn sáu tuần, lượng nước dự trữ trên tàu đã bắt đầu cạn kiệt, và các chỉ huy đưa ra quyết định: Nếu không tìm thấy đất liền trong vòng hai tuần, chuyến thám hiểm của họ sẽ kết thúc. Vào ngày 20 tháng Bảy, Svjatoi Pjotr đổi hướng quay về.

Anh chàng người Cô-dắc Thoma Lepkin gõ cửa. Steller đang ngồi trong buồng và trau chuốt các ghi chép của mình cho sáng rõ hơn. Khi nhìn thấy Lepkin, anh mỉm cười và mời trà, nhưng Lepkin từ chối. Trên boong tàu, mọi người rỉ tai nhau: Người quan sát tin rằng mình đã nhìn thấy đất liền. Dù tầm nhìn không chắc chắn, đường chân trời mờ mịt, xa xa có thể đang mưa, nhưng anh ta quả quyết đã nhìn thấy một chấm đen trên biển. Steller lập tức quên mất tách trà. Họ vội vàng lên boong tàu và dán mắt về phía chân trời, nín thở chờ đợi. Sóng dâng lên và hạ xuống, rồi người quan sát hét lên, tiếng hét lớn đến mức khiến chính anh ta giật mình: *Terra Firma! Terra Firma!* (Đất liền! Đất liền!).

Các chỉ huy thưởng thức bữa tối. Thuyền trưởng không ăn cùng họ. Ông thấy hơi mệt và ăn tối trong buồng riêng, nên bữa tiệc do Khitrov chủ trì. Khi Steller bước vào phòng ăn, tiếng nói chuyện lập tức tắt lịm. Nhà tự nhiên học không bỏ cuộc chỉ sau một lần bị phản đối mà vẫn tiếp tục tranh cãi, nói về dòng hải lưu và những mảng rong biển với những người không may phải lắng nghe, không chịu im lặng dù biết rằng các thủy thủ không đồng tình với mình. Khitrov bắt đầu nghi anh đang sửa đổi các quy luật tự nhiên và các dòng hải lưu trên bản đồ theo ý mình chỉ để chứng minh cấp trên đã sai. Lúc này, Steller cắt ngang bữa tối của họ, không chào hỏi, không bỏ mũ mà bức bối đòi đổi hướng đi, nhưng Khitrov bảo rằng ông ta sẽ tự mình kiểm tra những quan sát – nhưng là sau khi ăn xong. Đang giữa bữa chính, trời bắt đầu mưa. Sau tiệc rượu, tầm nhìn trở nên tồi tệ, và họ phải chờ một ngày quang đãng hơn. Bởi lẽ, người chỉ huy sẽ không tin nếu không thấy tận mắt – nhất là khi người yêu cầu ông tin tưởng lại là kẻ sai trái trong mắt ông.

Mưa ngớt và Mặt Trời lên, để lộ bóng đen của các đảo. Bering chúc mừng Khitrov, dù rằng trên thực tế ông muốn khóc. Ông nhìn thấy sự phấn khích trẻ con của các thành viên trong đoàn, họ vui cười và mừng rỡ mà không hề nghĩ tới việc vùng đất họ khám phá cách xa tất cả như thế nào, cũng như không hề nghĩ đến những tri hoãn và nguy hiểm đang chờ đợi khi họ phải đưa một vùng duyên hải mới lên bản đồ. Họ không hiểu những cơn gió của vùng biển này, chúng có thể thổi không ngớt về phía đông và ngăn cản hải trình trở về. Thật là một trò đùa độc ác. Họ đã đi rất xa, đến mức không ai

ở St. Petersburg có thể chê trách được. Đáng lẽ họ có thể trở về và chứng minh chuyến thám hiểm này là không thể. Chỉ còn bốn ngày nữa thôi là họ sẽ quay đầu, nhưng giờ đây, họ đã tìm thấy châu Mỹ.

Vào ngày lễ Thánh Elias, *Svjatoi Pjotr* thả neo ven bờ một hòn đảo xanh mướt. Suốt hai ngày nay, họ đã luồn lách để đến được gần đảo. Tàu chạy chậm vì vùng nước nông đầy đá ngầm và bãi cạn, nhưng tinh thần ai nấy đều phấn chấn. Sau nhiều tuần trôi qua trên vùng biển hoang vắng, những vùng đất vô danh bất ngờ hiện ra trước mắt họ, một dải đảo với rừng cây như trên người và phía sau là một bờ biển chưa được khám phá. Thế giới rộng mở trước mắt họ, họ rót thêm vào li và ghi thêm vào bản đồ của mình, còn viên hoa tiêu *Hotjaintsov* quệt mực xuống những nơi mà trước đây là khoảng trống.

Họ đặt tên hòn đảo là Mũi St. Elias, nhưng Steller phản đối. Mũi (cape) là một phần đất nhô ra khỏi bờ biển, mà hòn đảo này không phải là một mũi đất. Song các chỉ huy ra lệnh cho anh im lặng, và cái tên đầu tiên được ghi vào bản đồ: Cape St. Elias (Mũi St. Elias)

Thuyền trưởng không lên bờ. Ông bị đau đầu, cần phải nghỉ ngơi nên *Khitrov* chỉ huy đoàn thám hiểm đổ bộ. Ông ta chọn những người được phép lên bờ, và nhà tự nhiên học không có chỗ trong thuyền của ông. Steller yêu cầu thuyền phó giải thích rằng làm cách nào anh có thể nghiên cứu được đất, các loài thực vật và động vật trên đảo nếu chỉ đứng từ boong tàu. Tất nhiên, anh rất giỏi trong công việc của mình, nhưng thách thức này là quá sức đối với anh. Cho đến lúc này,

anh vẫn chịu đựng sự xem thường của cấp trên mà không phản ứng, nhưng anh sẽ không chấp nhận điều này, không thể. Anh tham gia chuyến thám hiểm để phục vụ Nữ hoàng, Viện Hàn lâm, phục vụ khoa học, và bây giờ thuyền phó đang ngăn cản anh làm công việc của mình. Điều đó là không được, anh sẽ báo cáo với St. Petersburg, báo với Viện Hàn lâm, anh sẽ trực tiếp tâu trình với Nữ hoàng! Bering được gọi lên boong tàu. Ông quá mệt mỏi với những cãi vã trẻ con này, và cho phép nhà tự nhiên học lên bờ trên một chiếc xuồng ba lá được hạ xuống để lấy nước dự trữ cho tàu. Steller leo lên xuồng. Người thổi kèn thổi một điệu kèn đồng chế nhạo sau lưng anh, còn *Khitrov* thì cúi chào Steller từ mũi thuyền của mình và cười lớn.

Steller được mang theo một trợ lý, và anh chọn *Thoma Lepkin*. Anh chàng Cô-dắc cố gắng trấn an vị tiến sĩ trông như thể sắp giết người đến nơi, nhưng khi đến gần bờ, Steller quên hết mọi bậc dọc. Anh nhảy khỏi xuồng và suýt ngã dúi vào sóng, đôi ủng vừa chạm đất thì đầu quay cuồng khiến anh phải vịn vào mạn thuyền để khỏi ngã. Thật thú vị – Steller biết bệnh say sóng có thể chữa bằng thuốc được làm từ quả óc chó, nhưng anh muốn biết hiện tượng này do đâu, làm thế nào cơ thể anh có thể “ghi nhớ” chuyển động của biển, mặc dù đất dưới chân anh đứng yên? Các thủy thủ bắt đầu lặn những chiếc thùng lên bờ, và Steller đứng thẳng người lại, sải bước về phía bìa rừng, miệng lẩm bầm tên các loài cây và các loài chim. Lepkin vội vã đuổi theo nhà tự nhiên học. Họ đã đặt chân lên một hòn đảo chưa biết nơi lục địa xa lạ. Họ không

biết những loài thú dữ và sinh linh nào giấu mình trong khu rừng, và Lepkin luôn giữ khẩu súng trường bên mình.

Nỗi bức tức của Steller tan biến. Chỉ mới đi một vòng ngắn ngủi mà anh đã bắt gặp những loài mới; anh chàng Cô-dắc cũng sẵn giúp anh vài con chim. Anh còn tìm thấy bằng chứng về một khu vực có người ở: một con đường dẫn đến miệng hầm đất. Bên trong hầm, anh tìm thấy quả mọng, cá và vật dụng được bảo quản cẩn thận, và anh cầm theo một mũi tên, một viên đá đánh lửa và một sợi dây bện bằng rong biển. Khi anh cho các thủy thủ xem những thứ đó, họ kiểm tra lại các món đồ của mình, tìm thấy một chiếc li thủy tinh màu xanh lá cây, những con dao, một chuỗi ngọc trai và hai chiếc tẩu trong túi. Steller để lại những thứ này thay cho những thứ anh đã lấy, rồi yêu cầu chèo thêm người lên bờ. Anh cần một người ghi chép, một số người giúp căng lưới bắt chim, và một số người đi tìm cư dân trên đảo. Nhưng chiếc xuồng quay lại với câu trả lời cục cằn: Các thùng nước đã được đổ đầy, và nếu Steller không về xuồng ngay, anh sẽ bị bỏ lại trên bãi biển. Anh không còn lựa chọn nào khác ngoài làm theo, nhưng đến tối, anh viết những lời chua chát vào cuốn sổ của mình: Chúng tôi thực hiện cuộc hành trình này chỉ để chở nước từ châu Mỹ đến châu Á.

Bering không thêm quan tâm đến những con chim cũ rích và đồ trang sức của người bản xứ, không, họ bắt đầu hành trình trở về ngay trong tối hôm đó. Lượng nước được chuyển vào hầm tàu vừa đủ cho hành trình trở về dự kiến kéo dài sáu tuần, và họ căng buồm, nhưng nỗi sợ hãi của ông đã trở thành hiện thực. Họ cố sức dong buồm ra khơi, nhưng gió mạnh

đã đẩy họ đi chệch hướng. Trong nhiều tuần lênh đênh trên vùng biển hoang vắng, giờ họ lại không thể thoát khỏi đất liền. Đoàn tàu đã tiến vào quần đảo Aleut và đang bị gió tàn nhẫn xô đẩy về phía hai trăm hòn đảo núi lửa.

Steller nài nỉ, nhưng Bering không lay chuyển. Họ sẽ không cập bến vào các hòn đảo, cũng không dừng lại để lập bản đồ và khám phá. Steller không còn có thể khẳng định rằng họ đã không cho anh cơ hội để thực hiện công việc của mình, và anh nên vừa lòng với những loài chim và cây cỏ mà anh thu thập được trên mũi đảo Elias. Nhiệm vụ đã hoàn thành: Họ đã tìm thấy bờ biển, và giờ là lúc trở về. Hai mươi năm qua, Bering đã chứng kiến những người đồng đội thăng tiến vượt ông, bị ám ảnh bởi cơn ác mộng về chuyến thám hiểm đã cướp đi sinh mạng của năm người con. Giờ thì ông không chờ đợi nữa mà sẽ trở về St. Petersburg, và khiến những kẻ chế nhạo ông phải xấu hổ.

Steller mổ bụng con diệc xanh, cẩn thận để không làm hỏng bộ lông, rồi rút bỏ nội tạng. Anh ném tất cả xuống biển và nhìn những con chim biển nuốt mọi thứ anh ném về phía chúng, rồi tự hỏi: Liệu con mòng biển có nhận ra rằng nó đang ăn thịt chính đồng loại của mình, hay chỉ đơn thuần nuốt lấy một con mồi mà không nhận ra rằng mình đang thực hiện hành vi đó?

Anh lột da và lấy nội tạng con chim, rồi thả xác đã lột hết da vào thùng chứa đầy nước để quá trình phân hủy bắt đầu. Mỗi sáng, anh thay nước và gỡ thịt ra khỏi xương, cho đến khi cuối cùng chỉ còn lại xương. Việc lắp ghép bộ xương của chim

đòi hỏi sự khéo léo và kiên nhẫn, nhưng trong chuyến đi này, anh không có gì ngoài thời gian – một nhà khoa học bị cười nhạo, đang khám phá thế giới mới từ cabin của mình, chỉ có thể tưởng tượng những hòn đảo kia chứa đựng điều gì. Steller rưới một dung dịch đặc biệt lên da chim. Có những người bảo quản xác chim bằng cách ngâm chúng trong chất lỏng hay trong thùng rượu đầy kín, nhưng lông của những con chim được bảo quản theo cách này sẽ nhanh chóng mất đi độ bóng: màu tím than, màu nâu sẫm, màu vàng và màu tím phai nhạt dần thành màu tía; và nhiều lúc, sau khi mở thùng, người sưu tập phát hiện cồn đã bay hơi hết và chim biến thành một khối nhầy hôi thối. Dùng lọ đựng bằng thủy tinh thì có thể theo dõi được tình trạng của con vật, nhưng thủy tinh lại dễ vỡ. Ở trường đại học, các giáo viên của anh thích dùng các loại gia vị, họ nhét phen chua, gừng, hạt tiêu, mộc dục và quế vào đầy bụng chim. Mùi hương của các bộ sưu tập gợi nhớ đến những xứ sở đầy mê hoặc của loài chim, nhưng cho dù những thứ bên trong giá trị đến đâu thì cũng sớm rơi vào rã rụn của lũ bọ chét và mất đi màu sắc. Steller không tin vào rượu hay gia vị. Anh đã nắm được một công thức đáng tin cậy: 14 gam long não, 9 gam thạch tín, 9 gam xà phòng, 34 gam kali, 11 gam vôi, và quá trình thối rữa sẽ dừng lại. Sau khi anh bôi thuốc mỡ lên da, con chim sẽ ngoài tầm với của sự phân hủy.

Nhưng anh không có mắt cho chim, nên sẽ đặt làm từ St. Petersburg. Một nghệ nhân thổi thủy tinh ở đó sẽ tạo ra những viên ngọc trai nhỏ cho hốc mắt những con chim, mỗi bên chứa một đồng tử tròn hoàn hảo bên trong.

Anh buộc thẻ ghi tên vào những chiếc chân cứng ngắc, đặt tên cho cả những con không có tên và xếp chúng thành hàng ngay ngắn. Các thủy thủ khiếp sợ bộ sưu tập của anh – những con chim mù, hốc mắt trống rỗng. Nhưng Steller chỉ cười, nói rằng chúng chỉ là những bộ da rỗng, vô hồn. Anh không kể rằng khi màn đêm buông xuống, chính anh cũng nghe thấy tiếng phành phạch, tựa như tiếng vỗ cánh của những con chim chết trên giá. Có lẽ chính con tàu này, thứ tà khí mê tín bất tận này, đã lây lan từ người này sang người khác như một bệnh dịch.

Một cơn bão đang đến. Có thể nhận thấy nó trong không khí, sức mạnh của nó và những đám mây xuất hiện ở phía chân trời giống như đỉnh của một thành lũy. Bây giờ, họ buộc phải nép vào bờ của hòn đảo gần nhất và thả neo *Svjatoi Pjotri* trong một vịnh nhỏ kín gió. Tận dụng cơ hội này, họ đi một chiếc xuống vào bờ để thay nước uống cũ bằng nước mới, và thuyền trưởng nhượng bộ trước khi nổ ra cãi vã: Steller được lên bờ cùng với những người lấy nước. Anh nghiên cứu bờ biển và các sinh vật sống trên cát. Ở rìa một khu rừng nhỏ, anh tìm thấy một nguồn nước – một ao sâu trong vạt. Anh rửa mặt và uống nước. Sau nhiều tuần uống nước đọng trong thùng gỗ, giờ đây nước suối tuyệt vời hơn bất cứ loại nước quả hay rượu vang nào, và anh uống thật no rồi vội vàng chạy đến nói với những người chở nước rằng anh đã tìm thấy loại nước tốt nhất trên thế giới. Nhưng các thủy thủ đã lấy nước vào các thùng, họ thả chúng xuống một vũng nước gợn sóng lăn tăn gần nơi họ cập vào bờ, và để mặc cho nước tràn đầy miệng thùng.

Steller vô cùng hoảng sợ. Các anh không thấy nước dâng lên và hạ xuống theo nhịp triều sao? Tức là ở đâu đó dưới đáy, nước biển và nước ngọt đang hòa lẫn vào nhau. Anh bảo họ đốt lửa, lấy một cái nồi và đổ nước từ vũng vào đó, đun lên rồi cho họ thấy cặn, vôi và muối còn sót lại dưới đáy nồi. Nhưng những người chèo thuyền đã thấm mệt. Họ không muốn bắt đầu công việc lại từ đầu và để việc đó cho những người chỉ huy giải quyết. Kết quả không làm ai ngạc nhiên, những người chỉ huy đứng về phía các thủy thủ và chống lại nhà tự nhiên học: Nước vẫn là nước, cho dù nó được lấy ở đâu. Steller đành đi lấy nước suối nguồn đổ vào đầy bịch da của mình, nhét đầy túi những quả chín mọc trên bờ, và thề quyết định sẽ không giúp khi lợi của Khitrov chảy máu, khi răng của lão bắt đầu rụng.

Gió đã lặng và đến lúc căng buồm. Trước khi rời đi, viên hoa tiêu muốn đo độ sâu của nước ven bờ, đánh dấu lên bản đồ để giúp những con tàu đến sau, nhưng quả dọi đã trượt khỏi tay anh ta. Sợi dây tuột khỏi ngón tay anh, chìm xuống vực sâu, và sự im lặng bao trùm khắp boong tàu. Đánh rơi quả dọi là điềm xấu tồi tệ nhất. Họ lặng lẽ giương buồm, không ai nhìn ai, và *Svjatoi Pjotr* lên đường trong nỗi bi quan, rầu rĩ.

Steller chép lại bản ghi chú cho sạch, rồi lau chùi và lập danh mục dụng cụ. Anh ghi lại hiện trạng thời tiết bốn lần một ngày, hình dạng và màu sắc của những đám mây, bất cứ điều gì giúp anh quên đi lớp cặn tích tụ dưới đáy những chiếc thùng. Anh nghiên cứu bầu trời, muốn hiểu vì sao khi tập trung nhìn vào bóng tối, cái vốn ban đầu trông như hư vô cuối cùng lại lộ ra những tia sáng yếu ớt. Anh xin người hoa tiêu

dạy cho anh cách nhận biết các chòm sao, rồi anh nghiên cứu bầu trời, thực hành tìm kiếm gấu, kì lân, cáo và quạ: các chòm sao Ursa Major (Đại Hùng), Monoceros (Kỳ lân), Vulpecula (Hổ Li) và Corvus (Ô Nha). Anh nhận thấy chúng không giống các con vật, và muốn đề xuất thay đổi hệ thống phân loại ấy.

Ở Kamchatka, các thùng nước được kết lại bằng các đai gỗ. Họ đã chờ những chiếc đai sắt, nhưng lô sắt không đến được cảng – có thể là bị đánh cắp, bị bỏ quên hoặc bị bán đi, và giờ đây những chiếc đai giữ các mảnh thùng lại với nhau bắt đầu mục nát trong hầm chứa ẩm ướt. Gỗ bị vênh và nước rỉ ra từ các vết nứt trên thùng.

Rồi đồ ăn cũng dần cạn kiệt, và họ bắt đầu chia khẩu phần. Vào buổi sáng, mỗi người được phát suất ăn cho cả ngày. Họ lấy nước miếng thấm ướt miếng bánh khô, dùng lưỡi lán miếng bánh qua lại trong khoang miệng, nuốt và cảm thấy lương tâm cắn rứt: Tại sao chỉ vừa mới quyết tâm nhịn thêm một lúc nữa mà miếng ăn đã biến mất rồi?

Họ dự định trở lại vịnh Avacha vào cuối tháng Chín để tránh những cơn bão mùa thu, nhưng nhiều tuần trôi qua, gió không chiều lòng họ, và vùng biển lộ nhô những đảo và đảo này thì đầy rẫy hiểm nguy. Họ di chuyển chậm chạp trong sợ hãi. Cuối tháng Chín đến rồi đi, vẫn chưa thấy bến cảng đâu, và gió bắt đầu nổi lên.

Khitrov đóng cửa lại, và Bering ngồi phịch xuống giường. Đạo gần đây, thuyền phó báo cáo ở cabin thuyền trưởng – như vậy thì tiện hơn. Ông có thể ngồi tại bàn làm việc, ghi lại ngay những gì mình nghe được, và họ có thể nghiên cứu bản

đồ rồi vạch ra lộ trình tốt nhất, tránh cơn gió đang ngày càng mạnh hơn. Thực ra Bering không leo lên cầu thang, vì việc đó sẽ khiến ông khó thở. Trên boong tàu, ông chỉ có thể nhìn chăm chăm vào miệng người thuyền phó mà không hiểu ông ta nói gì. Ông chỉ cần nghỉ ngơi một chút, chỉ cần vài ngày không cố quá thì sẽ trở lại là chính mình. Thế nhưng, đầu lưỡi ông lại vô thức đưa vào khe hở giữa răng cửa, một chiếc răng lung lay, thịt chạm vào xương, rồi xương với chân răng cũng rệu rã buông xuôi. Bering nếm thấy vị máu. Ông hoảng sợ rút lưỡi lại. Không thể thế này được, hẳn là ông đã lầm. Ông chỉ cần nghỉ ngơi, nằm trên giường vài ngày là sẽ khỏe lại. Ông nhìn Khitrov chăm chăm và gật gật đầu, mong ông ta mau nói xong, và khi cánh cửa đóng lại, ông mò mẫm lên giường, cẩn thận không chạm vào răng và chìm vào giấc ngủ.

Vào lúc mờ sáng, thủy thủ Nikita Shumagin tử vong. Họ bọc anh ta trong một tấm vải rồi chôn anh trên bờ của hòn đảo gần nhất, trong một cái hố nông buồn bã trên cát, và đặt tên hòn đảo theo tên anh. Nhưng Shumagin chỉ là người đầu tiên trong số nhiều người. Ban đầu, họ cứ buồn ngủ và lơ ngơ. Sau đó, những đốm nhọt nhạt xuất hiện trên da, chân tay họ không cử động được. Không lâu sau, họ ngừng thở, và quần đảo không còn được đặt theo tên họ nữa. Cái chết chỉ là cái chết, vô tận và vô cảm.

Vào ngày 26 tháng Chín, sóng vỗ tràn qua boong tàu. Những cơn bão mùa thu đã bắt đầu ập đến.

Mùng 2 THÁNG MƯỜI

24 thủy thủ bị ốm

Mùng 6 THÁNG MƯỜI

Kho rượu mạnh hết

18 THÁNG MƯỜI

32 thủy thủ bị ốm

27 THÁNG MƯỜI

Một cơn bão dữ dội. Không đủ người khỏe để hạ buồm. Vải rách tung bay trong gió. Việc đi đúng hướng trở nên khó khăn.

28 THÁNG MƯỜI

Svjatoi Pjotr chạy qua một hòn đảo xanh. Tuy nhiên, không thể lấy thêm nước dự trữ, vì chỉ còn mười người không ốm, nhưng họ cũng yếu đến mức nếu thả neo xuống thì cũng chẳng còn sức để kéo nó lên.

### 30 THÁNG MƯỜI

40 thủy thủ lâm bệnh. Những người khỏe mạnh cũng bắt đầu chết vì kiệt sức và mất nước.

### Mùng 2 THÁNG MƯỜI MỘT

Việc ghi chép theo giờ vào nhật kí hàng hải chấm dứt. Kharlam Yushin, người chịu trách nhiệm ghi lại các quan sát, viết: *Tôi kiệt sức rồi. Tôi chỉ có thể làm việc của mình khi bắt buộc phải làm.*

GIỜ ĐÂY HỌ chỉ có thể cầu xin những cơn gió đẩy họ theo đúng hướng, rằng Kamchatka sẽ hiện ra phía chân trời trước khi người cuối cùng trong số họ chết vì bệnh scorbut và khát nước. Cuối cùng, lời khẩn cầu của họ đã được đáp lại. Vào sáng ngày thứ năm của tháng Mười một, người quan sát đã hét to báo động. Giữa cơn mưa, một vệt đen của bờ biển lộ ra, họ nhìn thấy những ngọn núi tuyết phủ, và ai đó mang ra một ít rượu mạnh vốn được cất giữ cẩn thận. Cốc rượu nhỏ được chuyền tay nhau, và thuyền trưởng bừng tỉnh trong giây lát từ giấc mộng mị, không chút ngượng ngùng bật khóc vì sung sướng.

Những người khác vui mừng, nhưng Steller thấy cần rút vì linh cảm họ đã tính toán sai. Họ không còn xa, nhưng vẫn chưa thể đến đích. Ban chỉ huy đề nghị nên thả neo ở vịnh nhỏ gần nhất – đúng là đây không phải vịnh Avacha, nhưng không ai biết liệu họ có đi xa hơn được nữa không. Nếu lên được bờ ở đây, họ có thể cử những người khỏe mạnh nhất đi tìm ngựa ở ngôi làng gần nhất, nhưng Steller yêu cầu phải bảo đảm là họ đã thực sự ở Kamchatka. Họ chỉ có thể thả neo một lần, và nếu thả ở vị trí không tốt sẽ không thể sửa chữa được sai lầm. Người hoa tiêu đồng ý với nhà tự nhiên học, nhưng đến lúc này, sự kiên nhẫn của mọi người đã cạn: “Các anh là lũ chó, những kẻ hãm tài, lũ con hoang,...” – và thuyền trưởng